

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/ HNGĐ - ST

Ngày 31/3/2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Chính;

2. Ông Bùi Văn Khiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phượng Thị T**; sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Bàn Quý M**; sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Những người làm chứng:**

1/ Ông **Phượng Văn T** – SN: 1977; trú tại: Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2/ Ông **Bàn Quý T** – SN: 1969; trú tại: Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Đều vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bà Phượng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Bàn Quý M từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau đó đến ngày 18/3/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (đăng ký theo Nghị định số 77/CP/2001). Sau khi kết hôn những năm đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017, **nguyên nhân do ông Bàn Quý M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác rồi về nhà đánh đập, chửi bới vợ con. Gia đình hai bên nội ngoại và hàng xóm, láng giềng, thôn, xã đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông M không thay đổi, vẫn cứng đầu tịt ỷ. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.**

Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bàn Quý M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là Bàn Thị V, sinh ngày 12/5/1999 và Bàn Xuân Ph, sinh ngày 03/8/2009. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con lớn Bàn Thị V đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con nhỏ Bàn Xuân Ph hiện nay chưa đủ 18 tuổi, đang sống cùng với bà T tại Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Bàn Xuân Ph, sinh ngày 03/8/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phượng Thị T không yêu cầu ông Bàn Quý M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Bàn Quý M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý vụ án đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông

Bàn Quý M, tuy nhiên hết thời hạn đưa ra ý kiến theo Thông báo thụ lý nhưng không thấy ông M có ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Tòa án cũng đã gửi Giấy triệu tập, yêu cầu ông M đến Tòa án làm việc, tuy nhiên ông M không có mặt tại Tòa án để làm việc theo thời gian ghi trong Giấy triệu tập. Vì vậy Tòa án đã tiến hành làm việc với Trưởng Công an xã N, thành phố B thì được cung cấp thông tin như sau: Ông Bàn Quý M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên thời gian gần đây ông M thường xuyên đi làm ăn xa, nhưng đi đâu và đi khi nào thì công an xã không nắm được do ông M không khai báo tạm vắng với Công an xã. Thỉnh thoảng ông M có về nhà nhưng công an xã không nắm được khi nào ông M về và nơi hiện nay ông M đang sinh sống. Do vậy, Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Bàn Quý M. Tòa án đã lập biên bản xác minh và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông M theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, ông M không đến Tòa án làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M.

Tại Biên bản xác minh ngày 18/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Ông Bàn Quý M có đăng ký hộ khẩu thường trú và là công dân sinh sống tại Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn bà Phụng Thị T và ông Bàn Quý M sinh sống cùng nhau tại Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Trong thời gian chung sống, những năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, bình thường nhưng từ năm 2017 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M hay đánh đập, chửi bới vợ con. Hai bên gia đình, hàng xóm và thôn, xã đã hòa giải nhiều lần nhưng ông M vẫn không thay đổi. Vợ chồng bà T, ông M đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Đối với con chung Bàn Thị V đã trưởng thành và có công việc làm tự nuôi sống bản thân, còn con Bàn Xuân Ph hiện đang sống cùng bà T. Về điều kiện kinh tế và các điều kiện khác về chỗ ăn ở, sinh hoạt, học hành... thì bà T có điều kiện để nuôi dưỡng con chung Bàn Xuân Ph tốt hơn ông M.

Qua lấy lời khai của một số người làm chứng là anh em họ hàng hai bên sống gần nhà thì họ đều cho biết sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng T – M sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T nghi ngờ ông M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô sát. Có nhiều lần ông M không chỉ chửi bới mà còn đánh đập vợ con. Gia đình hai bên nội, ngoại và hàng xóm, láng giềng, thôn, xã đã nhiều lần can thiệp, khuyên giải nhưng không có kết

quả. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông M ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, khó có thể hàn gắn được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228, 229, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phượng Thị T, xử cho bà Phượng Thị T được ly hôn với ông Bàn Quý M.

Về con chung: Giao con chung Bàn Xuân Ph, sinh ngày 03/8/2009 cho bà Phượng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của con chung).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phượng Thị T không yêu cầu ông Bàn Quý M cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phượng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, bị đơn ông Bàn Quý M có địa chỉ cư trú tại Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ và thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; những người làm chứng vắng mặt có lý do, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phượng Thị T kết hôn với ông Bàn Quý M từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau đó đến ngày 18/3/2002 đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (đăng ký theo Nghị định số 77/CP/2001) nên xác định quan hệ hôn nhân của bà T và ông M là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2017 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Bà T cho rằng ông M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, còn bản thân ông M cũng thường xuyên đi khỏi nhà, thỉnh thoảng mới về, không quan tâm, chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Chính vì vậy nên trong cuộc sống ông bà không chỉ thường xuyên cãi vã, chửi bới lẫn nhau mà ông M còn nhiều lần đánh đập vợ con. **Gia đình hai bên nội ngoại và hàng xóm, láng giềng, thôn, xã đã tiến hành can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng ông M không thay đổi, vẫn chứng nào tật ấy. Bà T và ông M đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau.**

Qua lời khai của những người làm chứng và qua xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T, ông M, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M là thực tế và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng ông M đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Điều đó thể hiện ông M không có mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Do vậy việc bà T xin ly hôn với ông M là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Phượng Thị T và ông Bàn Quý M có 02 (hai) con chung là Bàn Thị V, sinh ngày 12/5/1999 và Bàn Xuân Ph, sinh ngày 03/8/2009. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con lớn Bàn Thị V đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con nhỏ Bàn Xuân Ph hiện nay chưa đủ 18 tuổi, đang sống cùng với bà T tại Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Bàn Xuân Ph, sinh ngày 03/8/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Bàn Quý M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M về việc nuôi con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Ph vẫn sống ổn định cùng bà T, cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; ông M không có công việc ổn định, thường xuyên đi xa nhà, không quan tâm, chăm sóc con, còn bà T có công việc ổn định với thu nhập khoảng 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)/tháng, có đủ điều kiện kinh tế đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác qua ghi nhận ý kiến của cháu Ph thì cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà Phượng Thị T. Do vậy việc giao con chung Bàn Xuân Ph cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phượng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Phượng Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 229, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Phượng Thị T. Bà Phượng Thị T được ly hôn với ông Bàn Quý M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Bàn Xuân Ph, sinh ngày 03/8/2009 cho bà Phượng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của con chung).

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phượng Thị T không yêu cầu ông Bàn Quý M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phượng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn Phượng Thị T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002031 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Bà Phượng Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND TP Bắc Kạn;
- Chi cục THADS TP B;
- UBND xã N, TP B
- (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

